

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HS-ST

Ngày: 21 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Bách.

2. Ông Vàng A Lù.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa:**
Ông Phạm Anh Tùng và ông Trần Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 48/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Thế H (tên gọi khác: Không) sinh ngày 11/5/1990, tại thị xã N, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ B, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nơi ở hiện tại: Tổ D, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Mạnh Đ, sinh năm 1949 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1951; Vợ: Kiều Thị N1, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ B, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Lê Hồng V (tên gọi khác: Không) sinh ngày 18/8/1985, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ B, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nơi ở hiện tại: Bản N, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Công nhân; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ bản Nà Làng, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái hiện đang tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 92 - QĐ/UBKTHU ngày 19/9/2023 của Ủy ban kiểm tra Thị ủy N4; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; Vợ: Đỗ Thị Hải H1, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại bản N, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần T10; địa chỉ: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T2 -Giám đốc. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Viết D, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ E, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có mặt.

3. Ông Đào Xuân T3, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ D, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Xuân Đ1, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

5. Công ty cổ phần L1; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T4 - Giám đốc. Có mặt.

6. Công ty cổ phần T10; địa chỉ: Tổ dân phố G, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang V1 - Giám đốc. Có mặt.

7. Ông Đặng Cao N2, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

8. Bà Đặng Thị D1, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Đức H2, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

10. Anh Đặng Thanh T5, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

11. Chị Trịnh Thị Bích H3, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Văn N3, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Anh Hà Văn T6, sinh năm 1992; địa chỉ: Bản N, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4. Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

5. Anh Nông Văn T7, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/01/2024, Đoàn kiểm tra của Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Bộ C2 tiến hành kiểm tra công tác chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty cổ phần T10 (sau đây viết tắt là T10), địa chỉ trụ sở

chính: Tổ E, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Quá trình kiểm tra phát hiện Nhà máy tuyển quặng chì kẽm thuộc T10, địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái đang đổ bùn thải từ quá trình nghiền tuyển quặng ra môi trường tại 02 bãi thải nằm ngoài diện tích thực hiện dự án, không nằm trong bãi thải theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thuộc địa phận tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đoàn kiểm tra đã lập biên bản ghi nhận hiện trạng 02 bãi đổ thải nêu trên và lấy 05 mẫu bùn thải tại 02 bãi thải bên ngoài nhà máy và 01 bãi thải bên trong nhà máy. Kết quả phân tích 05 mẫu bùn thải của Trung tâm K có 04 mẫu không vượt ngưỡng chất thải nguy hại so với QCVN 07:2009/BTNMT; 01 mẫu bùn thải tại vị trí bãi thải số 1 bên ngoài nhà máy có giá trị tuyệt đối: Chì 2.293 ppm vượt 7,69 lần; qua phương pháp ngâm triết: Chì 46,46 vượt 3,09 lần so với QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại. Khối lượng bùn thải tại 02 bãi thải theo T10 cung cấp khoảng 45.135 tấn (chưa kiểm tra được khối lượng chính xác).

Ngày 05/02/2024, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Bộ C2 đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-CHS và Công văn số 295/C05-P3 về việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự cùng toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường) Công an tỉnh Y để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ nội dung tin báo của Cục C3 phòng, chống tội phạm về môi trường, Bộ C2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y đã tổ chức điều tra, xác minh và xác định: T10, mã số doanh nghiệp: 5200280642; địa chỉ trụ sở chính: Tổ E, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Y cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký lần đầu ngày 25/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 29/12/2023. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T2, sinh ngày 26/10/1985, số CCCD: 015085000988 do Cục C3 về TTXH cấp ngày 16/4/2021; địa chỉ thường trú: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái, Chức vụ: Giám đốc. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên đồng thời là 05 cổ đông của Công ty là ông Nguyễn Viết D (sinh năm 1961; nơi thường trú: Tổ E, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; số CCCD: 015061000226), chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Nguyễn Xuân Đ1 (sinh năm 1963; nơi thường trú: Bản L, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; CCCD số 034063009593); ông Lê Văn H4 (sinh năm 1970; nơi thường trú: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; CCCD số: 015070004654), ông Đào Xuân T3 (sinh năm 1970; nơi thường trú: Tổ D, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; CCCD số: 015070004310) và bà Phạm Thị P (sinh năm 1976; nơi thường trú: 12E ngõ B, L, phường B, quận T, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: Tổ B, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; CCCD số: 015176000204).

Ủy ban nhân dân tỉnh Y đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 16102100078 ngày 16/12/2010, theo đó T10 được thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy tuyển chì, kẽm tại Cụm C, thôn V, xã S (nay là tổ dân phố V, thị trấn S), huyện V, tỉnh Yên Bái. Diện tích đất dự kiến sử dụng 1,5 ha. T10 đã lập Báo cáo đánh giá tác động

môi trường đối với dự án nhà máy tuyển chì, kẽm và được Ủy ban nhân dân tỉnh Y phê duyệt tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 09/11/2011. Sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Y ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 về việc cho T10 thuê đất, diện tích đất cho thuê là 15.628,4 m² tại Cụm C thuộc tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái, mục đích thuê để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy tuyển chì, kẽm tại Cụm C, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái với thời hạn thuê đất đến ngày 16/12/2030.

Ngày 19/4/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Y (do ông Hồ Đức H5 - Giám đốc Sở T làm đại diện đã ký Hợp đồng thuê đất số 31/2021/HĐTD với T10 theo Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Y. Thực tế, Nhà máy tuyển quặng chì kẽm thuộc T10 đã xây dựng cơ bản và đi vào hoạt động từ năm 2011.

Đối với hồ sơ về công tác bảo vệ môi trường của Nhà máy tuyển quặng chì kẽm thuộc T10: Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy tuyển quặng chì kẽm thuộc T10 được phê duyệt, Công ty đã có văn bản số 18/2013/CV ngày 01/6/2013 về việc thay thế các biện pháp xử lý nước thải và bụi phát sinh trong quá trình nghiền quặng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Y, Sở T, Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Y (có phụ lục kèm theo). Ngày 26/02/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Y có văn bản số 254/UBND-TNMT về việc chấp thuận công trình, biện pháp xử lý môi trường đã thay đổi của Nhà máy tuyển quặng chì kẽm thuộc T10. Sau khi xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, qua các lượt kiểm tra, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y, T10 đã hoàn thiện các nội dung theo yêu cầu. Ngày 25/3/2021, Công ty báo cáo số 18/BC-Cty về kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của Nhà máy tuyển quặng chì kẽm tại Cụm C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Ngày 12/4/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y đã ký Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 05/GXN-STNMT đối với nhà máy T11 quặng chì kẽm thuộc T10 tại Cụm C, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong đó, công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại đối với bùn thải trong quá trình sản xuất từ máy lọc ép được vận chuyển đổ vào 05 hố chứa bùn thải của Nhà máy trước khi vận chuyển đem đi xử lý (Công ty đã thiết kế 05 hố chứa bùn thải phía sau, nằm trong phạm vi nhà máy), 05 hố chứa thải có dung tích chứa khoảng 20.000 m³, các hố có đáy và thành được chống thấm bằng bạt HDPE.

Trong quá trình quản lý nhà máy, khoảng cuối tháng 7 năm 2023 bị cáo Lê Hồng V là quản lý nhà máy tuyển quặng chì kẽm thuộc T10 (theo Quyết định bổ nhiệm số 09/QĐ-Cty, ngày 28/12/2020 của Giám đốc Công ty) đã phát hiện thành hố chứa bùn thải của nhà máy có hiện tượng sụt lún, xô nghiêng do lượng bùn thải nhiều, có nguy cơ tràn bùn thải ra hồ chứa nước thải và môi trường xung quanh nên đã báo cáo bị cáo Đoàn Thế H, chức vụ: Phó Giám đốc T10 (theo Quyết định số 04/QĐ-Cty, ngày 26/3/2022 của Giám đốc Công ty) để tìm phương án xử lý. Các bị cáo H và V đã trực tiếp kiểm tra, khảo sát khu vực hố chứa bùn thải của nhà máy và cùng bàn bạc, thống nhất phương án xử lý là nạo vét, vận chuyển bùn thải trong 05 hố chứa bùn thải của nhà máy tập kết ra vị trí khác để gia cố, sửa chữa sau đó sẽ vận chuyển bùn thải về hố chứa bùn thải theo quy định. H hỏi V: Công ty có bãi

đất nào có thể đổ tạm bùn thải được không? V trả lời: Công ty có mua bãi đất của một số hộ dân từ nhiều năm trước, có thể đổ bùn thải ra đó, vị trí bãi đất cách nhà máy khoảng 500 mét theo hướng từ cổng nhà máy rẽ trái, đi theo đường liên thôn, sau đó rẽ lên đường đất bên phải hướng lên dốc về phía đồi chè. Diện tích đất này do ông Đào Xuân T3 - thành viên Hội đồng quản trị T10 (Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc T10 giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2020) thỏa thuận mua lại của 03 hộ dân là hộ ông Đặng Cao N2 (vợ là bà Đặng Thị D1); hộ ông Đặng Thanh T5 (là con trai ông Đặng Cao V2); hộ ông Nguyễn Đức H2 (vợ là bà Nguyễn Thị L đã chết) tại tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái với mục đích xin mở rộng phạm vi thực hiện dự án nhà máy. Tuy nhiên, quá trình mua bán đất, làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất với các hộ dân chỉ có hợp đồng chuyển nhượng, biên bản thỏa thuận đền bù viết tay không được công chứng, chứng thực và không làm thủ tục đăng ký biến động đất đai tại cơ quan đăng ký đất đai vì các hộ dân chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Bị cáo V dẫn bị cáo H đến vị trí lối rẽ từ đường liên thôn lên khu vực bãi đất và chỉ cho H khu đất mà công ty đã mua. Bị cáo H đồng ý và chỉ đạo bị cáo V nạo vét, vận chuyển bùn thải từ bãi thải của nhà máy đổ thải ra khu vực bãi đất mà V chỉ cho H (vị trí được ký hiệu là bãi thải số 1 trong Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 26/02/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y). Được sự đồng ý của H, V đã chỉ đạo các công nhân của nhà máy là Ngô Văn Q, Ngô Văn H6, Ngô Văn T8, Ngô Văn C1, Nguyễn Văn U, ngoài ra V còn thuê một số người dân tộc Mông ở xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái nhưng V không biết rõ họ tên và địa chỉ để lên khu vực bãi đất Công ty mua của 03 hộ dân phát dọn cỏ phục vụ cho việc đổ bùn thải. Sau khi chỉ đạo các công nhân tiến hành dọn dẹp xong, V chỉ đạo Hoàng Văn N3, sinh năm 1986, nơi thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái là công nhân lái máy xúc điều khiển máy xúc lật hiệu KOMATSU của nhà máy lên bãi đất đã được phát dọn cỏ để san gạt mặt bằng, tạo đường đi cho xe ô tô chở bùn thải đi đổ thải. Khoảng cuối tháng 8/2023, V chỉ đạo Hoàng Văn N3 bắt đầu nạo vét, xúc bùn thải từ 05 hồ chứa bùn thải trong nhà máy lên xe ô tô tải, hiệu CNHTC Howo Sinotruk, biển kiểm soát 21C - 042.35 do Hà Văn T6 điều khiển đổ thải ra bãi thải số 1. Khoảng 3 - 4 ngày sau, do trời mưa, đường lên bãi thải số 1 trơn trượt, xe ô tô chở bùn thải không lên được, V đã báo cáo H để tìm cách giải quyết, H hỏi V: Công ty còn bãi đất nào khác không, V trả lời: Công ty có thuê bãi đất của Công ty cổ phần T12 (sau đây viết tắt là CTCP - TĐCN T) cũ là diện tích đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy S 40.000 tấn/năm của T12 (Dự án này đã được chuyển nhượng cho Công ty cổ phần L1) và T10 đã ký hợp đồng thuê toàn bộ diện tích đất của Công ty cổ phần L1 (sau đây viết tắt là L1) vào ngày 03/9/2022 để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vị trí bãi đất cách cổng chính nhà máy tuyến chỉ kềm thuộc T10 khoảng 150 mét theo hướng từ nhà máy đi theo đường liên thôn ra trung tâm thị trấn S, bãi đất ở bên phải, giáp ranh với đường liên thôn thuộc tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. H đã biết vị trí khu đất này từ trước do có bạn làm công nhân san gạt mặt bằng cho T12 nên đã đồng ý và chỉ đạo V tiếp tục đổ bùn

thải lên thửa đất nêu trên. Sau đó, V trực tiếp chỉ vị trí và chỉ đạo Hà Văn T6 đổ bùn thải ra 02 vị trí thuộc diện tích đất thực hiện dự án của L1 (vị trí đổ bùn thải thứ nhất cách đường liên thôn khoảng 30 mét, vị trí đổ bùn thải thứ hai cách vị trí đổ bùn thải thứ nhất về hướng Tây Nam khoảng 150 mét, được ký hiệu lần lượt là bãi thải số 2 và bãi thải số 3 trong biên bản khám nghiệm hiện trường). Thời gian đổ bùn thải tại 03 bãi thải liên tục từ cuối tháng 8/2023 đến ngày 16/01/2024, trừ các ngày chủ nhật, ngày lễ và khi trời mưa lớn. Trung bình mỗi ngày 13 đến 14 chuyến, mỗi chuyến khoảng 12 m³ bùn thải. Trong quá trình đổ bùn thải lên 03 bãi thải ngoài phạm vi nhà máy, khi lượng bùn thải nhiều hoặc khi trời mưa làm lún hỏng đường lên các bãi thải, V chỉ đạo N3 đưa máy xúc lên san gạt bùn thải tại 03 bãi thải và sửa đường cho T6 tiếp tục chở bùn thải đi đổ thải tại 03 bãi thải này.

Trong quá trình nạo vét, vận chuyển bùn thải từ bãi thải của nhà máy Đ3 thải lên 03 bãi thải bên ngoài phạm vi nhà máy, các bị cáo V và H đều nhận thức được hành vi của mình là sai quy trình về xử lý chất thải của nhà máy và trái quy định của pháp luật nhưng để sửa chữa, gia cố hồ chứa bùn thải của nhà máy, V và H đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Hoàng H7 cho bị cáo V việc đổ thải, bị cáo V sau đó chỉ đạo N3 và T6 trực tiếp thực hiện việc đổ bùn thải trái pháp luật ra môi trường. Các bị cáo V và H tự ý bàn bạc, thống nhất mà không báo cáo ai về việc đổ bùn thải trái pháp luật nêu trên.

Ngày 10/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y đã tổ chức cho Hoàng Văn N3 và Hà Văn T6 thực nghiệm điều tra lại hành vi nạo vét bùn thải từ bãi thải của nhà máy T11 quảng chì kẽm thuộc CTCP T sau đó chở đi đổ thải lần lượt từng bãi thải ngoài phạm vi nhà máy. Kết quả thực nghiệm điều tra, mỗi chuyến xe chở bùn thải có thể tích khoảng 13,2 m³ với khối lượng tương ứng là 20.820 kilogam bùn thải/01 xe (tại thời điểm tiến hành thực nghiệm điều tra). Thời gian từ khi máy xúc bắt đầu múc bùn thải tại bãi thải của nhà máy đổ lên thùng xe ô tô cho đến khi ô tô đổ bùn thải xong tại bãi thải số 1 và quay về vị trí ban đầu là khoảng 21 phút, tương tự thời gian thực hiện việc đổ bùn thải tại bãi thải số 2 là 12 phút và thời gian đổ bùn thải tại bãi thải số 3 là 15 phút. Kết quả thực nghiệm điều tra là phù hợp với lời khai của các bị cáo Đoàn Thế H, Lê Hồng V và lời khai của Hoàng Văn N3, Hà Văn T6, phù hợp với thực tế khách quan.

Tại biên bản làm việc ngày 17/4/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y và đại diện T10 xác định ranh giới vị trí bãi thải số 1, số 2 và số 3 của Nhà máy tuyển quảng chì kẽm thuộc T10 xác định: Cả 03 bãi thải nêu trên đều nằm ngoài ranh giới khu đất CTCP T được Ủy ban nhân dân tỉnh C4 thuê đất tại Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 05/11/2020; nằm ngoài phạm vi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy tuyển quảng chì kẽm tại Cụm C, thị trấn S, huyện V theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 09/11/2021. Bãi thải số 2 và số 3 nằm trong ranh giới khu đất của L1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Y cho thuê đất theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 09/3/2016.

Tại Văn bản số 929/STNMT-TTr ngày 19/4/2024 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Y phúc đáp văn bản số 398/CSKT ngày 08/3/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y, xác định: Theo Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày

28/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Y về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 huyện V, tỉnh Yên Bái thì bãi thải số 1 được quy hoạch là bãi thải, xử lý chất thải; bãi thải số 2 và bãi thải số 3 được quy hoạch là đất cụm công nghiệp. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Y chưa nhận được văn bản đề nghị của T10 về việc xin phép đổ bùn thải phát sinh trong quá trình sản xuất của nhà máy tuyển quặng chì kẽm tại 03 bãi thải nêu trên.

Giám đốc T10 là ông Nguyễn Xuân Đ1, giai đoạn từ năm 2020 đến ngày 26/12/2023; ông Nguyễn Anh T2, từ 27/12/2023 đến nay và Hội đồng quản trị của T10 không được báo cáo, không chỉ đạo, không đồng ý về việc đổ bùn thải ra 03 vị trí nêu trên. Ngày 17/4/2024, đại diện T10 xác định ranh giới vị trí bãi thải số 1, số 2 và số 3. Kết quả, cả 03 bãi thải nêu trên đều nằm ngoài ranh giới khu đất CTCP T được Ủy ban nhân dân tỉnh C4 thuê đất tại Quyết định số 2759/QĐ-UBND, ngày 05/11/2020; nằm ngoài phạm vi thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy tuyển quặng chì kẽm tại Cụm C, thị trấn S, huyện V theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 09/11/2011. Bãi thải số 2 và số 3 nằm trong ranh giới khu đất của L1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Y cho thuê đất theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 09/3/2016.

Tại Bản Kết luận giám định tư pháp ngày 27/5/2024 của Bộ T13 kết luận:

- Các mẫu chất thải giám định tại 03 bãi thải ký hiệu bãi số 1, số 2 và số 3 là chất thải rắn thông thường.

- Tổng khối lượng chất thải tại 03 bãi thải nêu trên là 29.497.467 kg (hai mươi chín triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bảy kilogam); trong đó khối lượng chất thải của bãi số 1 là 22.291.152 kg (hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi một nghìn một trăm năm mươi hai kilogam); Khối lượng của bãi số 2 là 3.042.694 kg (ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi tư kilogam); Khối lượng của bãi số 3 là 4.145.621 kg (bốn triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi một kilogam).

- Về mức độ ô nhiễm môi trường: Qua rà soát, Đoàn công tác Bộ T13 chưa đủ thông tin và số liệu về chất lượng môi trường đất trước thời điểm nhà máy hoạt động và thực hiện tập kết chất thải, do đó các kết quả quan trắc môi trường đất bên dưới các bãi thải sẽ được so sánh, đánh giá với QCVN 03:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất. Kết quả phân tích, 03 mẫu đất bên dưới 03 bãi thải đều bị ô nhiễm so với QCVN 03:2023/BTNMT.

Các bị cáo Đoàn Thế H, Lê Hồng V và hai công nhân là Hoàng Văn N3, Hà Văn T6 đều công nhận kết luận giám định nêu trên và thừa nhận toàn bộ khối lượng bùn thải tại 03 bãi thải là của Nhà máy tuyển quặng chì kẽm thuộc T10 do các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V chỉ đạo Hoàng Văn N3, Hà Văn T6 thực hiện việc đổ thải trái pháp luật ra môi trường.

Tại bản Cáo trạng số 79/CT-VKS-VC ngày 12/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo H, V. Đối với bị

cáo Đoàn Thế H được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Lập công chuộc tội” quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Lê Hồng V được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội có thành tích xuất sắc trong công tác” quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Thế H số tiền từ 1.300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng; xử phạt bị cáo Lê Hồng V số tiền từ 1.100.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo H và V.

Về xử lý vật chứng, tài sản trong vụ án: Trả lại CTCP Thịnh Đạt: 01 (một) chiếc máy xúc đào bánh xích, hiệu KOMATSU-PC300-6, màu vàng do Nhật Bản sản xuất, số seri: 33307; 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, hiệu CNHTC Howo Sinotruck 10 tấn, biển kiểm soát 21C-042.35; số khung: LZZ5ELS0GN129479; số máy: WD61547*160417014927*; 01 (một) chiếc máy xúc lật, hiệu KOMATSU WA300-3, màu vàng do Nhật Bản sản xuất. Số khung: W039-50290; số máy: 6D108-20300. Tình trạng các tài sản trên đều đã cũ, đã qua sử dụng; Buộc T10 và các bị cáo phải khắc phục hậu quả chuyển toàn bộ 29.497.467 kg bùn thải hiện đang ngoài phạm vi nhà máy, tại 03 bãi thải ký hiệu bãi số 1, số B và số 3 về đúng chỗ được quy định tại CTCP Thịnh Đạt theo Báo cáo đã được phê duyệt trong nhà máy tuyển quặng chì kẽm tại Cụm C. Trả lại nguyên trạng vị trí ban đầu tại 03 bãi thải ký hiệu bãi số 1, số B và số 3. Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn và cơ quan chuyên môn có thẩm quyền quản lý về môi trường tỉnh Yên Bái có trách nhiệm giám sát việc xử lý đối với chất thải này theo đúng quy trình, quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đại diện theo pháp luật của L1, 03 hộ dân là hộ ông Đặng Cao N2, bà Đặng Thị D1; hộ ông Đặng Thanh T5; hộ ông Nguyễn Đức H2 và ông Đào Xuân T3 không có yêu cầu bồi thường đối với thiệt hại về thửa đất mà các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V đã thực hiện việc đổ thải, nên không đề nghị xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đại diện theo pháp luật của T10 ông Nguyễn Anh T2 và ông Nguyễn Viết D chủ tịch Hội đồng quản trị có ý kiến xin lại toàn bộ các vật chứng mà các bị cáo H, V tự ý sử dụng để phạm tội. Ngoài ra nhận xử lý toàn bộ số vật chứng là 29.497.467 kg bùn thải trả về nguyên trạng những phần đất mà các bị cáo H và V trước đó đã thực hiện việc đổ thải. Không yêu cầu các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V phải bồi thường, khắc phục hậu quả nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Các bị cáo H, V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331 và 333 BLTTHS.

Tại phiên tòa các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất và không tranh luận gì với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: L1, 03 hộ dân là hộ ông Đặng Cao N2, bà Đặng Thị D1; hộ ông Đặng Thanh T5; hộ ông Nguyễn Đức H2 và ông Đào Xuân T3 không có ý kiến bồi thường liên quan đến việc bị cáo H, bị cáo V gây ô nhiễm môi trường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần T10 (sau đây viết tắt là T10) có ý kiến thống nhất đề nghị trả lại các tài sản bị thu giữ cho CTCP T, sau đó giữa CTCP Kim Thành và T10 thực hiện tiếp Hợp đồng thuê tài sản.

Tại phiên tòa người làm chứng Hoàng Văn N3, Hà Văn T6 và Nông Văn T7 đã khai đầy đủ các tình tiết đã được làm chứng giống lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo H và bị cáo V công nhận là đúng và không có ý kiến gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai, tài liệu của những người này. Các bị cáo công nhận lời khai của người được công bố là đúng và không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng được Tòa án triệu tập đến phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, ông Đào Xuân T3 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong giai đoạn điều tra vụ án đã có lời khai của họ thể hiện trong hồ sơ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử và công bố lời khai của họ tại phiên tòa.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản ghi nhận hiện trạng các bãi đổ thải, Kết luận giám định tư pháp ngày 27/5/2024 của Bộ T13, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng cuối tháng 8 năm 2023 đến ngày 16/01/2024, bị cáo Đoàn Thế H - Phó

giám đốc T10 đã cùng bị cáo Lê Hồng V là quản lý nhà máy tuyển quặng chì kẽm thuộc CTCP Thịnh Đạt vận chuyển 29.497.467 kg (hai mươi chín triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bảy kilogam) bùn thải là chất thải rắn thông thường từ quá trình nghiền tuyển quặng đổ ra môi trường tại 03 vị trí thuộc tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. 03 vị trí này nằm ngoài diện tích thực hiện dự án, không nằm trong bãi thải theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của T10 đã được phê duyệt nên không được phép đổ thải. Hành vi của các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V đã vi phạm quy định tại các Điều 81, Điều 82 của Luật Bảo vệ môi trường đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng chưa nhận thức đầy đủ về pháp luật bảo vệ môi trường nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, các bị cáo Đoàn Thế H và bị cáo Lê Hồng V đã phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường” quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, sự trong sạch của nguồn nước, không khí, đất trong môi trường sống của thiên nhiên và con người. Hành vi của các bị cáo bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường, chỉ vì sự thiếu hiểu biết về chất thải, các bị cáo đã tự ý đổ 29.497.467 kg chất thải rắn thông thường ra môi trường không đúng quy định thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật, do vậy cần phải xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng có tính chất giản đơn, bị cáo Đoàn Thế H và bị cáo Lê Hồng V là người thực hành cùng bàn bạc và thực hiện việc đổ thải. Bị cáo H có vai trò cao hơn bị cáo V khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét hành vi cụ thể của từng bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay cả hai bị cáo H và V đều đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng cho cả hai bị cáo Đoàn Thế H, Lê Hồng V. Bị cáo Đoàn Thế H trong quá trình tại ngoại đã khai báo về thông tin mà mình biết có dấu hiệu tội phạm được Công an huyện T, tỉnh Yên Bái xác nhận, qua thông tin này của bị cáo H cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Giàng Thị X, sinh năm 1973 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Lập công chuộc tội” quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo Đoàn Thế H. Bị cáo Lê Hồng V trong quá trình phục vụ trong quân ngũ đã được tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2006 của Lữ đoàn Thông tin 26, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội có thành tích xuất sắc trong công tác”

quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo Lê Hồng V.

Về nhân thân: Các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, thể hiện các bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Từ những nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy trước khi phạm tội các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Đoàn Thế H, Lê Hồng V ra khỏi đời sống xã hội, cũng có thể giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước trong pháp luật hình sự. Nhưng cũng cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, mức hình phạt tiền đối với từng bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức hình phạt cho phù hợp đối với từng bị cáo.

Do các bị cáo Đoàn Thế H, Lê Hồng V được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên sẽ không bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Các bị cáo sau khi phạm tội đã nhận ra vi phạm của bản thân, từ đó có nhận thức đầy đủ về quy định pháp luật trong việc đồ thái, có đơn xin tự khắc phục hậu quả trong quá trình điều tra nên xét thấy không cần thiết cấm đảm nhiệm chức vụ hành nghề hoặc làm công việc đó cũng không gây ra nguy hại cho xã hội.

[7] Về các vấn đề khác trong vụ án:

* Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) chiếc máy xúc đào bánh xích, hiệu KOMATSU-PC300-6, màu vàng do Nhật Bản sản xuất, số seri: 33307 và 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, hiệu CNHTC Howo Sinotruck 10 tấn, biển kiểm soát 21C-042.35; số khung: LZZ5ELS0GN129479; số máy: WD61547*160417014927*. Tình trạng đều đã cũ, đã qua sử dụng là những tài sản thuộc sở hữu của CTCP K, T10 thuê tài sản trên của T10, thời hạn thuê từ 01/4/2024 đến 31/3/2025, trong thời gian hợp đồng thuê tài sản còn có hiệu lực, tài sản của T10 đã bị các bị cáo H và V sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, việc tự ý sử dụng tài sản của nhân viên T10, T10 đều không được biết, T10 đang quản lý tài sản đã thực hiện việc giao nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra, sau khi hợp đồng thuê tài sản hết hiệu lực, T10 đã thỏa thuận ký phụ lục hợp đồng với T10 để gia hạn thời hạn thuê từ 01/4/2024 đến 31/3/2025 và đồng ý thanh toán chi phí thuê tài sản của T10 trong thời gian phục vụ công tác điều tra. Tại phiên tòa Đại diện CTCP Thịnh Đạt và T10 thống nhất trả lại các tài sản trên cho CTCP Thịnh Đạt quản lý sử dụng, do đó cần trả lại cho T10 tiếp tục quản lý sử dụng các tài sản trên theo đúng quy định pháp luật.

- 01(một) chiếc máy xúc lật, hiệu KOMATSU WA300-3, màu vàng do Nhật Bản sản xuất. Số khung: W039-50290; số máy: 6D108-20300. Tình trạng đã cũ, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của T10, khi các bị cáo H và V sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, việc tự ý sử dụng T10 đều không được biết, T10 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra. Tại phiên tòa Đại diện CTCP Thịnh Đạt đề nghị được nhận lại tài sản trên phục vụ cho công tác sản xuất, do vậy cần trả lại cho T10 tiếp tục quản lý sử dụng theo đúng quy định pháp luật.

- Tổng khối lượng 29.497.467 kg (Hai mươi chín triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bảy kilogam) là chất thải rắn thông thường (bùn thải) từ quá trình nghiền tuyển quặng chì kẽm do các bị cáo thực hiện với danh nghĩa nhà máy tuyển quặng chì kẽm thuộc T10 đổ ra môi trường tại 03 bãi thải ngoài phạm vi thực hiện dự án nhà máy. Mặt khác, do T10 đã thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, để nhân viên trong CTCP Thịnh Đạt chuyên chất thải ra ngoài phạm vi nhà máy tuyển quặng, chì kẽm. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần buộc T10 phải thu gom vận chuyển, lưu giữ và xử lý toàn bộ khối lượng 29.497.467 kg bùn thải tại 03 bãi thải về đúng chỗ được quy định tại CTCP Thịnh Đạt theo Báo cáo đã được phê duyệt trong nhà máy tuyển quặng chì kẽm tại Cụm C. Trả lại nguyên trạng ban đầu của 03 bãi ký hiệu bãi số 1, số 2 và số 3 ngoài nhà máy tại tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn và cơ quan chuyên môn có thẩm quyền quản lý về môi trường tỉnh Yên Bái có trách nhiệm giám sát việc xử lý đối với chất thải này theo đúng quy trình, quy định của pháp luật.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Đối với việc bồi thường thiệt hại: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan L1, 03 hộ dân là hộ ông Đặng Cao N2, bà Đặng Thị D1; hộ ông Đặng Thanh T5; hộ ông Nguyễn Đức H2 và ông Đào Xuân T3 không có yêu cầu bồi thường đối với thiệt hại về 03 thửa đất mà các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V đã thực hiện việc đổ thải, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan CTCP Thịnh Đạt không yêu cầu các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V phải có trách nhiệm bồi thường, khắc phục hậu quả, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Pháp nhân trong vụ án là T10: Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Xuân Đ1 Giám đốc trong thời gian từ tháng 9 năm 2020 đến ngày 26/12/2023, ông Nguyễn Anh T2 từ ngày 27/12/2023 đến nay và Hội đồng quản trị của Công ty không được các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V báo cáo, không tham gia chỉ đạo đổ bùn thải trái pháp luật ra môi trường tại 03 vị trí ngoài phạm vi nhà máy. Thời gian diễn ra hành vi phạm tội từ khoảng cuối tháng 8 năm 2023 đến ngày 16/01/2024, ông Nguyễn Xuân Đ1 và thành viên Hội đồng quản trị của T10 không trực tiếp đến kiểm tra, làm việc tại nhà máy tuyển quặng chì kẽm và không biết về việc bị cáo H, bị cáo V thực hiện việc đổ thải ra môi trường. Quá trình xác minh, làm việc với T10, Cơ quan điều tra đã thu thập các biên

bản hợp của Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đều không có nội dung chỉ đạo việc đổ bùn thải trái pháp luật ra môi trường tại nhà máy tuyển quặng chì kẽm của Công ty. Công ty cũng không có khoản chi phí phát sinh nào cho hoạt động vận chuyển, đổ bùn thải trái pháp luật ra môi trường thể hiện trên sổ sách, chứng từ kế toán nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý trách nhiệm của CTCP Thịnh Đạt là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với L1: Ngày 16/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y đã có Văn bản số 1338/CSKT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y về việc cung cấp thông tin, phối hợp điều tra vụ án hình sự đối với một số nội dung liên quan đến việc sử dụng đất tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 08/2016 tại tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái của L1. Ngày 24/9/2024, Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Y đã có văn bản trả lời số 2472/STNMT-QLĐĐ về các nội dung sau: “...Căn cứ quy định của Luật đất đai năm 2013 thì diện tích đất L1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Y cho thuê đất tại Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 được quyền cho thuê lại theo quy định tại Điều 174 Luật Đất đai năm 2013...”; “...Pháp luật đất đai năm 2013 quy định điều kiện khi thực hiện việc cho thuê lại phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính. Do vậy, trường hợp L1 ký hợp đồng cho T10 thuê lại đất và chưa thực hiện đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai thì giao dịch thực hiện quyền cho thuê đất này của L1 chưa đúng theo quy định của pháp luật đất đai...” “...Ủy ban nhân dân tỉnh Y cho L1 thuê đất với loại đất là đất cụm công nghiệp. Mục đích sử dụng đất cụ thể của diện tích được thuê là để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất chì kim loại theo dự án đầu tư đã được phê duyệt. Tại Điều 2 Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Y đã giao trách nhiệm cho L1 quản lý sử dụng đất đúng ranh giới, mục đích và chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan đến quản lý, sử dụng đất thuê. Do vậy, việc L1 sử dụng đất hay cho đơn vị khác thuê lại đất phải sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất chì kim loại, các hạng mục công trình phục vụ cho hoạt động của dự án được xác định theo sơ đồ tổng mặt bằng kèm theo dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt...”. Căn cứ vào nội dung văn bản trả lời của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y, L1 được phép cho thuê lại thửa đất số thửa đất số 1, tờ bản đồ số 08/2016 tại tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Y nhưng chỉ được cho thuê để thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất chì kim loại, các hạng mục công trình phục vụ cho hoạt động của dự án được xác định theo sơ đồ tổng mặt bằng kèm theo dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh P1. Nội dung hợp đồng thuê đất giữa L1 và T10, mục đích cho thuê để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của L1 là ông Phan Văn T4 cho biết: L1 không đồng ý cho bất cứ tổ chức, các nhân nào sử dụng diện tích đất được thuê để đổ thải hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác. Tuy nhiên, bùn thải đổ lên 02 vị trí thuộc ranh giới thửa đất của Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh C4 thuê để xây dựng nhà máy sản xuất chì kim loại là chất thải rắn thông thường, L1 cũng chưa

triển khai xây dựng hạng mục, công trình nào trên thửa đất này nên chưa có thiệt hại gì cho công ty. L1 không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

Đối với Hoàng Văn N3 và Hà Văn T6 là những người được CTCP Thịnh Đ2 tuyển dụng vào làm công nhân tại nhà máy tuyển quặng chì kẽm, địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Hoàng Văn N3 là công nhân lái máy xúc với công việc chính là xúc quặng thô được tập kết tại sân trước cửa nhà điều hành của nhà máy vào máng nghiền của dây chuyền tuyển quặng và xúc bùn thải từ máy vắt bùn sau quá trình tuyển quặng chì kẽm đổ ra bãi thải của nhà máy nằm cách máy vắt bùn khoảng 20 mét. Hà Văn T6 là công nhân lái máy xúc với công việc chính là xúc quặng thô được tập kết tại sân trước cửa nhà điều hành của nhà máy vào máng nghiền của dây chuyền tuyển quặng và xúc bùn thải từ máy vắt bùn sau quá trình tuyển quặng chì kẽm đổ ra bãi thải của nhà máy nằm cách máy vắt bùn khoảng 20 mét. Trong quá trình làm việc tại nhà máy, bị cáo Lê Hồng V - quản lý nhà máy đã chỉ đạo Hoàng Văn N3 điều khiển máy xúc nạo vét bùn thải từ bãi thải của nhà máy Đ3 lên thùng xe ô tô tải biển kiểm soát 21C - 042.35 và chỉ đạo Hà Văn T6 lái xe ô tô chở bùn thải đổ lên 03 vị trí ngoài phạm vi nhà máy do V trực tiếp chỉ định. Bị cáo Lê Hồng V không nói cho Hoàng Văn N3 và Hà Văn T6 biết về việc đổ bùn thải tại 03 vị trí ngoài phạm vi nhà máy là hành vi phạm tội. Ngũ và T6 chỉ thực hiện các công việc theo sự chỉ đạo của bị cáo Lê Hồng V và không có động cơ, mục đích vụ lợi, không được hưởng lợi gì từ việc đổ bùn thải trái pháp luật ra môi trường. Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của N3 và T6, không có dấu hiệu đồng phạm của N3 và T6 đối với hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Hồng V và Đoàn Thế H. Cho nên cơ quan điều tra không đề cập đến trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Văn N3 và Hà Văn T6 trong vụ án này là phù hợp.

Đối với 05 công nhân được bị cáo Lê Hồng V chỉ đạo phát dọn cỏ tại bãi thải số 1 là Ngô Văn H6, Ngô Văn T8, Ngô Văn C1, Ngô Văn Q và Nguyễn Văn U. Cả 05 người này đều là người địa phương, được T10 tuyển dụng vào làm công nhân tại nhà máy tuyển quặng chì kẽm, địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Các công nhân trong nhà máy ngoài việc thực hiện công việc hàng ngày được phân công tại từng khâu, từng bộ phận trong quá trình tuyển quặng như chọc quặng, kẹp hàm, bom nghiền, vắt bùn, bảo vệ sẽ làm các công việc khác theo sự chỉ đạo của bị cáo Lê Hồng V như dọn dẹp, vệ sinh nhà máy, hoán đổi công việc cho nhau khi có công nhân xin nghỉ. Bị cáo Lê Hồng V chỉ đạo 05 công nhân này đi phát dọn cỏ tại bãi thải số 1 nhưng không nói cho những người này biết mục đích của việc phát dọn cỏ làm gì. Cả 05 công nhân đều không biết V chỉ đạo phát dọn cỏ để làm bãi đổ bùn thải trái pháp luật cho đến khi có đoàn kiểm tra của Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường đến kiểm tra nên không có căn cứ xác định 05 người này có vai trò giúp sức cho hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Hồng V và Đoàn Thế H. Vì vậy, cơ quan điều tra không đề cập đến trách nhiệm hình sự của 05 công nhân nêu trên trong vụ án này là phù hợp.

Đối với một số người dân tộc Mông ở xã P, thị xã N được bị cáo Lê Hồng V thuê để phát dọn cỏ tại bãi thải số 1. Bị cáo Lê Hồng V trình bày chỉ thuê một số người dân tộc Mông ở xã P, thị xã N thực hiện công việc phát dọn cỏ, V không biết rõ tên, địa chỉ cụ thể của những người này ở đâu. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ, tài liệu để xác minh, làm việc với những người này.

Đối với 03 hộ dân gồm hộ ông Đặng Cao N2 (vợ là bà Đặng Thị D1), hộ ông Đặng Thanh T5 (là con trai ông Đặng Cao V2); hộ ông Nguyễn Đức H2 (vợ là bà Nguyễn Thị L). Các hộ dân nêu trên được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện V xác nhận là chủ sử dụng đất tại bãi thải số 1. Nguồn gốc sử dụng đất do các hộ dân khai phá và sử dụng ổn định vào mục đích nông nghiệp (trồng chè). Vì khu vực tổ dân phố V, thị trấn S chưa được đo đạc bản đồ địa chính chính quy và các hộ dân chưa có đơn đề nghị nên chưa được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Theo quy định của Luật đất đai năm 2013, các thửa đất của 03 hộ dân nêu trên chưa đủ điều kiện để tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng chuyển nhượng, đền bù đất giữa 03 hộ dân với ông Đào Xuân T3 (trên giấy tờ chuyển nhượng, đền bù viết tay là T10) không được công chứng, chứng thực là không đúng quy định về pháp luật đất đai. Ủy ban nhân dân thị trấn S chỉ công nhận chủ sử dụng đất tại bãi thải số 1 là của 03 hộ dân gồm hộ ông Đặng Cao N2 (vợ là bà Đặng Thị D1), hộ ông Đặng Thanh T5 (là con trai ông Đặng Cao V2); hộ ông Nguyễn Đức H2 (vợ là bà Nguyễn Thị L đã chết). Tuy nhiên quá trình làm việc với cơ quan điều tra, 03 hộ dân nêu trên nhận thức việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các hộ dân và CTCP Thịnh Đạt đã hoàn thành vì các hộ dân đã nhận đủ số tiền theo thỏa thuận tự nguyện. Sau khi nhận đủ tiền, các hộ dân không can thiệp, sử dụng diện tích đất đã bán cho CTCP Thịnh Đạt và không có tranh chấp. Các hộ dân không có yêu cầu gì về việc đổ bùn thải lên phần diện tích đất này.

Đối với T10: Tháng 3/2023, T10 ký hợp đồng cho T10 thuê máy móc, thiết bị phụ vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm 01 máy xúc đào bánh xích hiệu KOMATSU PC300-6 và 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, hiệu CNHTC Howo Sinotruk, biển kiểm soát 21C - 042.35, CTCP Kim T9 không biết và không đồng ý cho tổ chức cá nhân nào sử dụng tài sản của Công ty để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo Đoàn Thế H, Lê Hồng V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thế H và Lê Hồng V phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 235; điểm u, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Thế H **1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng)**.

- Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 235; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hồng V **1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng)**.

4. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ trong vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 82 Luật bảo vệ môi trường.

Buộc T10 phải thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý toàn bộ khối lượng 29.497.467 kg (hai mươi chín triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bảy kilogam) bùn thải là chất thải rắn thông thường hiện đang ngoài phạm vi nhà máy, tại 03 bãi thải ký hiệu bãi số 1, số B và số 3 về đúng chỗ được quy định tại CTCP Thịnh Đạt theo Báo cáo đã được phê duyệt trong nhà máy tuyển quặng chì kẽm tại Cụm C. Trả lại nguyên trạng ban đầu của 03 bãi ký hiệu bãi số 1, số 2 và số 3 ngoài nhà máy tại tổ dân phố V, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn và cơ quan chuyên môn có thẩm quyền quản lý về môi trường tỉnh Yên Bái có trách nhiệm giám sát việc xử lý đối với chất thải này theo đúng quy trình, quy định của pháp luật.

Trả lại CTCP Thịnh Đạt: 01 (một) chiếc máy xúc đào bánh xích, hiệu KOMATSU-PC300-6, màu vàng do Nhật Bản sản xuất, số seri:33307; 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, hiệu CNHTC Howo Sinotruck 10 tấn, biển kiểm soát 21C-042.35; số khung: LZZ5ELS0GN129479; số máy: WD61547*160417014927*; 01(một) chiếc máy xúc lật, hiệu KOMATSU WA300-3, màu vàng do Nhật Bản sản xuất. Số khung: W039-50290; số máy: 6D108-20300. (Tình trạng các tài sản trên đều đã cũ, đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18/11/2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y và cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đoàn Thế H, bị cáo Lê Hồng V mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

6. Về quyền kháng cáo. Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo Đoàn Thế H, Lê Hồng V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T2, ông Nguyễn Viết D, Nguyễn Xuân Đ1, ông Phan Văn T4 và ông Trần Quang V1 có quyền kháng

cáo phần Bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Xuân T3, ông Đặng Cao N2, bà Đặng Thị D1, ông Nguyễn Đức H2, anh Đặng Thanh T5 và chị Trịnh Thị Bích H3 có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- Công an huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- UBKT thị xã Nghĩa Lộ;
- Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Yên Bái;
- UBND phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ;
- UBND phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ;
- Các bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

